

KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

ThS. BÙI ĐỨC MINH*

1. Sinh viên (SV) dân tộc thiểu số (DTTS) phần lớn đều xuất thân từ những gia đình có kinh tế khó khăn, trình độ dân trí của bố mẹ thấp, lại thường học tập ở môi trường phổ thông không thuận lợi. Vì thế, trình độ đầu vào của những SV này không cao, nhiều em tiếng phổ thông chưa thạo, chưa mạnh dạn trong giao lưu học hỏi, khả năng thích ứng thấp... Chính những yếu tố này đã gây không ít những khó khăn tâm lý (KKTL) cho SV trong quá trình học tập.

Biểu hiện của KKTL trong hoạt động học tập (HĐHT) được thể hiện ở ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người, đó là nhận thức, thái độ và hành vi. Ba mặt này có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau, là một chỉnh thể thống nhất tạo ra cấu trúc tâm lý con người. Thông thường nếu nhận thức đúng dẫn đến thái độ đúng, hành vi đúng. Do vậy, trong quá trình học tập, muốn tháo gỡ KKTL chủ thể cần chú ý quan tâm đến cả ba mặt trên.

Chúng tôi đã điều tra, khảo sát tìm hiểu thực trạng KKTL trong HĐHT của SV DTTS Trường Cao đẳng (CĐ) Sơn La (từ tháng 1 đến tháng 8/2012), thông qua các phương pháp: điều tra bằng phiếu hỏi; phỏng vấn; quan sát; nghiên cứu trường hợp; thống kê toán học, chúng tôi thu được kết quả như sau:

2. Thực trạng KKTL trong HĐHT của SV DTTS trường CĐ Sơn La

1) Tự đánh giá của SV về KKTL nói chung trong HĐHT của họ (xem bảng 1)

Bảng 1. Tự đánh giá của SV DTTS về những KKTL trong HĐHT (xét theo khách thể)

STT	Tự đánh giá	Tỉ lệ % theo nhóm									Chung
		Giới tính		Khoa			Năm học				
		Nam	Nữ	LĐXH	SPTN	NN	Năm 1	Năm 2	Năm 3		
1	Có	94,9	91,1	90,9	95,7	92,2	95,9	91,1	86,7	93,0	
2	Không	5,1	8,9	9,1	4,3	7,8	4,1	8,9	13,3	7,0	

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, có đến 93,0 % số SV DTTS của Trường CĐ Sơn La được điều tra đã gặp KKTL trong quá trình học tập. Còn lại một số lượng rất ít 7,0 % SV cho rằng không gặp khó khăn trong HĐHT của mình.

So sánh 3 khoa: Lao động xã hội, Sư phạm tự

nhiên và khoa Ngoại ngữ, chúng tôi thấy phần lớn SV DTTS ở cả 3 khoa đều cho rằng có gặp KKTL trong HĐHT và mức độ chênh lệch nhau là không đáng kể (90,9 %; 95,7 %; 92,2 %), SV ở 3 khoa đều có rất ít người không gặp KKTL trong HĐHT và mức độ chênh lệch nhau cũng không nhiều (9,1 %; 4,3 %; 7,8 %).

Bảng 2. Tần suất xuất hiện KKTL trong HĐHT của SV DTTS (xét theo khách thể)

STT	Nội dung	Điểm trung bình (\bar{X}) theo nhóm									Chung
		Giới tính		Khoa			Năm học				
		Nam	Nữ	LĐXH	SPTN	NN	Năm 1	Năm 2	Năm 3		
1	N	99	101	66	70	64	73	67	60	200	
2	\bar{X}	2,11	2,27	1,86	2,43	2,27	2,48	2,01	2,03	2,19	
3	SD	0,71	0,60	0,74	0,60	0,64	0,58	0,72	0,71	0,70	

Kết quả ở bảng 2 cho thấy: tần suất xuất hiện những KKTL trong HĐHT của SV DTTS Trường CĐ Sơn La với điểm trung bình chung của cả 3 khoa là ($\bar{X} = 2,19$) và độ lệch chuẩn ($SD = 0,70$). Đây là mức điểm khó khăn trung bình ($1,68 < = 2,34$).

So sánh giữa các khoa Lao động xã hội, Sư phạm tự nhiên, khoa Ngoại ngữ chúng tôi nhận thấy, mức độ khó khăn trong học tập của ba khoa có sự khác biệt. Khoa Sư phạm Tự nhiên có mức điểm trung bình cao nhất ($\bar{X} = 2,43$) và có độ phân tán thấp nhất/mức độ tập trung các giá trị cao (độ lệch chuẩn $SD = 0,60$). Như vậy, SV DTTS ở khoa Sư phạm tự nhiên có tần suất xuất hiện KKTL cao nhất (thường xuyên gặp phải KKTL); đứng thứ 2 là khoa Ngoại ngữ với điểm trung bình ($\bar{X} = 2,27$ và $SD = 0,64$). Cuối cùng là khoa Lao động xã hội với số điểm trung bình thấp nhất ($\bar{X} = 1,86$) nhưng độ phân tán giữa các giá trị lại cao nhất ($SD = 0,74$). Điểm trung bình này thể hiện khoa Lao động xã hội có tần suất KKTL trung bình, nằm trong khoảng ($1,68 < \bar{X} \leq 2,34$), và cũng là khoa có tần suất gặp phải KKTL ít nhất trong số 3 khoa được nghiên cứu.

Bên cạnh việc tần suất KKTL trong HĐHT giữa

* Trường Cao đẳng Sơn La

các khoa là khác nhau thì giữa nam và nữ cũng có sự chênh lệch. Qua kết quả của *bảng 2*, điểm trung bình về KKTL trong HĐHT của nữ SV ($\bar{x} = 2,27$) cao hơn điểm trung bình của nam SV ($\bar{x} = 2,11$). Điều đó thể hiện, trong quá trình học tập ở Trường CĐ Sơn La, nữ SV DTTS gặp KKTL trong HĐHT với tần suất cao hơn nam SV DTTS.

2) Những KKTL trong HĐHT của SV DTTS Trường CĐ Sơn La (xem *bảng 3*)

Bảng 3. Những KKTL trong HĐHT của SV DTTS Trường CĐ Sơn La

STT	Những KKTL	Tỉ lệ %			Điểm		
		Nghiêm trọng	ít nghiêm trọng	Không nghiêm trọng	\bar{x}	SD	TB
1	Chưa hiểu động cơ của việc học tập	41,5	34,5	24,0	2,18	0,79	9
2	Chưa nắm vững phương pháp học	78,0	17,0	5,0	2,73	0,54	1
3	Chưa hiểu cách dạy của giáo viên	54,0	36,0	10,0	2,44	0,67	4
4	Chưa hiểu những khái niệm bằng ngôn ngữ của người Kinh	1,0	53,5	45,5	1,55	0,51	14
5	Không hứng thú học	1,5	86,5	12,0	1,89	0,35	13
6	Luôn lo lắng trong học tập	53,0	33,5	13,5	2,39	0,71	5
7	Ngại tiếp xúc với giáo viên, bạn bè	69,0	21,5	9,5	2,60	0,65	2
8	Khó tập trung chú ý	54,0	29,5	16,5	2,38	0,75	6
9	Khó sử dụng ngôn ngữ	28,0	44,0	28,0	2,00	0,75	12
10	Khó tự tin khi phát biểu	62,5	25,0	12,5	2,50	0,70	3
11	Khó thích ứng với kiểu sinh hoạt mới	56,0	17,0	27,0	2,29	0,86	7
12	Khó kiểm soát cảm xúc bản thân	20,0	66,5	13,5	2,07	0,57	11
13	Khó sắp xếp thời gian học tập	58,0	28,0	14,0	2,44	0,72	4
14	Khó tìm tài liệu	40,0	44,5	15,5	2,24	0,70	8
15	Khó hiểu tài liệu	42,0	28,0	30,0	2,12	0,84	10
	Tỉ lệ %	43,9	37,7	18,4	2,25	0,67	

Bảng 3 cho thấy: Trong số 200 SV DTTS Trường CĐ Sơn La được hỏi về những KKTL trong HĐHT của các em, có 43,9 % SV trả lời ở mức độ nghiêm trọng, 37,7 % SV trả lời là ít nghiêm trọng, 18,4 % SV trả lời là không nghiêm trọng; điểm trung bình $\bar{x} = 2,25$ và độ lệch chuẩn $SD = 0,67$. Kết quả này cho thấy, SV DTTS Trường CĐ Sơn La đang gặp KKTL trong HĐHT ở mức độ trung bình (nằm trong giới hạn $1,67 < \bar{x} \leq 2,34$) và mức độ tập trung các giá trị cao/độ phân tán thấp $SD = 0,67$, thể hiện sự tập trung trong các trả lời của SV được khảo sát. Trong số 15 KKTL được trả lời, có 7/15 KKTL, SV trả lời có điểm trung bình ở mức độ 3 (khó khăn cao), 7/15 KKTL SV trả lời có điểm trung bình ở mức độ 2 (khó khăn trung bình) và 1/15 KKTL có số điểm trung bình ở mức độ 1 (khó khăn thấp).

Trong các KKTL được đưa ra, *mức độ KKTL là khác nhau*. Có 7/15 KKTL ở mức độ cao (có 2 KKTL bằng điểm nhau); 7/15 KKTL ở mức độ trung bình; 01/15 KKTL ở mức độ thấp được sắp xếp theo thứ tự sau: 1) Chưa nắm vững phương pháp học; 2) Ngại tiếp xúc với giáo viên, bạn bè; 3) Khó tự tin khi phát biểu; 4) Khó sắp xếp thời gian học tập; 5) Chưa hiểu cách dạy của giáo viên; 6) Luôn lo lắng trong học tập;

7) Khó tập trung chú ý; 8) Khó thích ứng với kiểu sinh hoạt mới; 9) Khó tìm tài liệu; 10) Chưa hiểu mục đích/động cơ của việc học; 11) Khó hiểu tài liệu; 12) Khó kiểm soát cảm xúc bản thân; 13) Khó sử dụng ngôn ngữ; 15) Không hứng thú học; 15) Chưa hiểu những khái niệm bằng ngôn ngữ của người Kinh.

3) Môi trường quan giữa KKTL trong HĐHT và kết quả học tập

Bảng 4. Môi trường quan giữa KKTL và kết quả học tập của SV DTTS

Correlations			
		Kết quả học tập	Tổng mức độ KK
Kết quả học tập	Pearson Correlation	1	-.421**
	Sig. (2-tailed)		.000
	N	200	200
Tổng mức độ KK	Pearson Correlation	-.421**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	

(**). Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Kết quả cho thấy, hệ số tương quan $R = -0,421$, cho phép kết luận giữa KKTL trong HĐHT và kết quả học tập có tương quan nghịch (hệ số tương quan R có kết quả âm tính). Điều này có nghĩa là SV có mức độ KKTL càng cao (điểm trung bình cao) thì kết quả học tập càng thấp. Và ngược lại nếu SV gặp KKTL ở mức độ càng thấp, ít khó khăn (điểm trung bình thấp) thì kết quả học tập càng cao.

3. Nguyên nhân gây ra KKTL trong HĐHT của SV DTTS

KKTL trong học tập của SV do các nguyên nhân chính cả chủ quan và khách quan gây nên. Trong đó nguyên nhân chủ quan có ảnh hưởng nhiều hơn nguyên nhân khách quan. Trong những nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân ảnh hưởng lớn nhất là: - Năng lực học tập và nghiên cứu hạn chế; - Chưa thích ứng với phương pháp học tập; - Do bản thân chưa tích cực chủ động; - Cảm thấy không tự tin khi trao đổi với bạn bè, thầy cô giáo; - Động cơ chọn nghề của chính bản thân chưa phù hợp; - Chưa hứng thú với ngành đã chọn; - Dành nhiều thời gian vào việc khác... Nguyên nhân khách quan ảnh hưởng lớn nhất là: - Phương pháp giảng dạy của giáo viên; - Lượng tri thức học ở CĐ quá nhiều; - Thiếu sách, giáo trình, tài liệu học tập; - Những biến động lớn về môi trường sống và học tập; - Ảnh hưởng của cách học phổ thông; - Không có sự đồng viên kịp thời từ gia đình...

4. Từ những kết quả khảo sát trên, để khắc phục KKTL trong học tập, theo chúng tôi, SV cần suy nghĩ tích cực về cuộc sống, ý thức được mức độ nghiêm trọng của những KKTL mình gặp phải; luôn đặt mình

trong tập thể, giúp đỡ mọi người và biết dựa vào bạn bè, người thân, đặc biệt là biết dựa vào những người có chuyên môn khi gặp KKTL để có cách giải quyết phù hợp nhất. SV cũng cần xây dựng kế hoạch học tập và sinh hoạt phù hợp; tích cực tham gia môn học "giá trị sống, kĩ năng sống" do nhà trường tổ chức hàng kì. Giảng viên cần có cách đánh giá phù hợp dựa trên những khả năng, năng lực, đặc điểm tích cực và hạn chế của SV DTTS, từ đó đưa ra những cách thức tác động phù hợp trong học tập của SV. Quan tâm chú trọng hơn nữa đến việc hướng dẫn SV cách thức (phương pháp) lĩnh hội tri thức. Hình thành cho SV có phương pháp tự học, tự nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ học tập ở môi trường mới. Trong khi áp dụng các phương pháp dạy học tích cực cần phải chú ý tới đặc điểm đối tượng là các em SV DTTS. Nhà trường tổ chức cho SV trao đổi các buổi ngoại khóa, định hướng nghề nghiệp để từ đó hình thành động cơ học tập, lí tưởng nghề nghiệp, thế giới quan đúng đắn cho SV. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thanh Bình. *Nghiên cứu một số trở ngại tâm lí trong giao tiếp của sinh viên với học sinh khi thực tập tốt nghiệp*, Luận án Tiến sĩ Tâm lí học. 1996

2. Hồ Ngọc Đại. *Tâm lí học dạy học*. NXB Giáo dục, H. 1983
3. Phạm Minh Hạc. *Hành vi và hoạt động*. Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội. 1983
4. Nguyễn Minh Hải. *Khó khăn tâm lí trong quá trình giải toán của học sinh tiểu học*. NXB Giáo dục, H.1998.
5. Nguyễn Kế Hào. *Giáo trình tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*. NXB Đại học sư phạm, H. 2005.
6. Đặng Vũ Hoạt. *Lí luận dạy học đại học*. NXB Đại học sư phạm, H. 2004.
7. Bùi Đình Mỹ. "Tìm hiểu vấn đề đặc trưng tâm lí dân tộc". *Kiểm hội nghị tâm lí học* (lần thứ 5). 1983
8. Nguyễn Xuân Thúc. "Một số trở ngại tâm lí trong giao tiếp giữa giáo viên và sinh viên đại học". *Tạp chí tâm lí học*, số 6/2003.

SUMMARY

Psychological difficulties in awareness, attitude and behavior, a real psychological phenomenon, has happened to ethnic minority students in Son La College (Female has more than male; first-year and third-year students have more than second-year ones). These difficulties, caused by both subjective and objective reasons, need to be considered and studied further more. Researching this problem may help to find out solutions to improving training quality of school in recent days.

Phân loại bạo lực học đường...

(Tiếp theo trang 11)

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. *Hướng dẫn công tác học sinh, sinh viên, ngoại khóa và y tế trường học năm học 2012-2013*, Hà Nội, 2012.
2. Patrick Burton. "Suffering at school. Results of the Malawi Gender-Based Violence in Schools Survey", Institute for Security Studies, South Africa, 2005.
3. Peper S. Erin. "The relationship between school violence, childhood anger, and the use of preventions and intervention in schools" A research paper, The Graduate college, University of Wisconsin, 2002.

SUMMARY

Through a study of theories and situations of school violence among Vietnamese high school students, the investigator classified behaviors of school violence basing on the four main criteria: causes, behavioral effects, areas and violent students' intention to determine relevant behaviors of school violence. The investigator also suggested a range of innovative approaches of school violence classification. Theoretically, the study set the first few steps for further studies on school violence to find possible solutions of the issue in Vietnamese high schools.

Phát triển năng lực hoạt động...

(Tiếp theo trang 16)

- Hiệu trưởng nhà trường cần đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, tài chính cho hoạt động. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Cứ. *Vai trò của hoạt động xã hội đối với sự hình thành nhân cách sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất*. Hội nghị khoa học Đại học Mở - Địa chất lần thứ 14, H. 11/2000.
2. Thích Thiện Chánh. *Đề xuất một số hoạt động xã hội của Tăng Ni Sinh ở những trường Phật học*. Đăng trên website www.daophatngaynay.com.

SUMMARY

Capacity development in social activities for students not merely towards students in healthy activities, useful to society and themselves, but also equip them with practical knowledge, basic skills and emotions between man and man in the community. For pedagogic students, due to occupational characteristics, they are required to have some special capabilities such as communication skills, activity organizational skills, skills on behavior and treatment of pedagogical situations...